



Số: 11/CBTT-LIDECO-2015

Ngày 21 tháng 04 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty: Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm

Mã chứng khoán: NTL

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2A, N09B1, KĐT M Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.22214124

Fax: 04.22214125

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Kha

Địa chỉ: Tầng 2A, N09B1, KĐT M Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.22214124

Fax: 04.22214125

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Quý I/2015.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/04/2015 tại đường dẫn

<http://lideco.vn/index.php/2012-11-20-02-57-03/congbothongtin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính Quý I/2015

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
TỪ LIÊM
P. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Văn Kha



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CP PT ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

QUÝ I - NĂM 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Ngày 31/03/2015

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.179.645.681.078	1.217.068.325.531
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	17.335.326.000	74.459.557.628
1. Tiền	111	4.640.540.970	4.530.440.965
2. Các khoản tương đương tiền	112	12.694.785.030	69.929.116.663
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.380.028.330	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh (*)	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.380.028.330	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	110.712.349.418	100.081.894.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	15.251.572.952	16.461.555.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	20.599.593.386	8.311.904.066
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	74.861.183.080	75.308.435.190
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	1.050.217.977.330	1.042.526.872.933
1. Hàng tồn kho	141	1.050.217.977.330	1.042.526.872.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	140.655.650.615	121.515.083.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	38.417.004.890	38.417.004.890
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	38.417.004.890	38.417.004.890
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
II. Tài sản cố định	220	42.261.838.711	43.359.930.020
1. Tài sản cố định hữu hình	221	42.261.838.711	43.359.930.020
- Nguyên giá	222	63.121.518.029	63.086.063.484
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(20.859.679.318)	(19.726.133.464)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227		
- Nguyên giá	228		

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		
III. Bất động sản đầu tư	230	2.022.545.267	2.676.242.818
- Nguyên giá	231	3.852.467.145	4.865.896.002
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(1.829.921.878)	(2.189.653.184)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	57.761.420.000	36.787.920.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11.016.000.000	11.016.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	43.046.120.000	23.046.120.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	26.004.980.980	26.004.980.980
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(22.305.680.980)	(23.279.180.980)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	192.841.747	273.985.579
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	192.841.747	273.985.579
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1.320.301.331.693	1.338.583.408.838

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300	468.589.355.107	489.011.297.191
I. Nợ ngắn hạn	310	237.467.482.645	253.655.686.676
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	27.753.210.166	40.786.832.990
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	125.925.067.100	116.767.406.575
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	66.882.828.017	81.231.541.468
4. Phải trả người lao động	314	597.903.157	1.490.938.899
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	438.997.736	438.997.736
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.613.511
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	3.392.548.299	53.253.100
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	12.476.928.170	12.871.102.397
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trả phiếu chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330	231.121.872.462	235.355.610.515
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	136.611.746.435	135.118.435.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả dài hạn nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	30.482.302.699	30.633.173.829
7. Phải trả dài hạn khác	337	64.027.823.328	69.604.001.686
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		
B. Vốn chủ sở hữu (400= 410 + 430)	400	851.711.976.586	849.572.111.647

I. Vốn chủ sở hữu	410	851.711.976.586	849.572.111.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	636.000.000.000	636.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	636.000.000.000	636.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	8.994.035.440	8.994.035.440
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(139.616.197.028)	(139.616.197.028)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	22.300.000.000	22.300.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	45.280.000.000	45.280.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	278.754.138.174	276.614.273.235
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	276.614.273.235	276.614.273.235
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2.139.864.939	
12. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)	440	1.320.301.331.693	1.338.583.408.838

Lập biểu



Đỗ Huy Khải

Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Văn Kha

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Quý I năm 2015

Chỉ tiêu 1	Quý I		Luỹ kế năm	
	Năm nay 4	Năm trước 5	Năm nay 6	Năm trước 7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.809.397.896	31.008.156.666	18.809.397.896	31.008.156.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	18.809.397.896	31.008.156.666	18.809.397.896	31.008.156.666
4. Giá vốn hàng bán	14.145.712.778	24.574.251.940	14.145.712.778	24.574.251.940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.663.685.118	6.433.904.726	4.663.685.118	6.433.904.726
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	148.599.998	959.083.485	148.599.998	959.083.485
7. Chi phí tài chính	(973.500.000)	(7.108.555.000)	(973.500.000)	(7.108.555.000)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	0	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.456.784.633	2.991.083.619	3.456.784.633	2.991.083.619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.329.000.483	11.510.459.592	2.329.000.483	11.510.459.592
11. Thu nhập khác	403.338.154	200.489.956	403.338.154	200.489.956
12. Chi phí khác	0	0	0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	403.338.154	200.489.956	403.338.154	200.489.956
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.732.338.637	11.710.949.548	2.732.338.637	11.710.949.548
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	592.473.698	2.561.478.740	592.473.698	2.561.478.740
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.139.864.939	9.149.470.808	2.139.864.939	9.149.470.808
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	150	35	150
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật



Đỗ Huy Khải



Lê Minh Tuấn




Nguyễn Văn Kha

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY MẸ

Theo phương pháp trực tiếp
Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
			Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	6
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	...	33.454.820.847	18.479.656.901	226.710.675.099
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	...	(52.170.910.138)	(38.379.079.581)	(253.502.403.780)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	...	(3.056.448.200)	(4.563.608.818)	(10.630.185.157)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	...	-	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	...	(9.399.089.114)	(10.102.439.035)	(10.729.787.422)
6. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	6	...	9.403.885.928	10.110.531.299	68.974.359.246
7. Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh	7	...	(35.622.505.845)	(33.638.735.440)	(3.430.490.490)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	...	(57.390.246.522)	(58.093.674.674)	17.392.167.496
II. Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	...	-	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	...	-	25.642.457	(6.745.311.747)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	...	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	...	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	...	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	...	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	...	266.014.894	959.083.485	21.908.358.540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	...	266.014.894	984.725.942	3.563.502.224
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	...	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	...	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	...	-	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	...	-	(1.528.591.000)	(1.528.591.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	...	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	...	-	-	(63.053.465.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	...	-	(1.528.591.000)	(64.582.056.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	...	(57.124.231.628)	(58.637.539.732)	(28.463.340.387)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	...	74.459.557.628	102.922.898.015	102.922.898.015
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	...	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	17.335.326.000	44.285.358.283	74.459.557.628

Người lập biểu



Đỗ Huy Khải

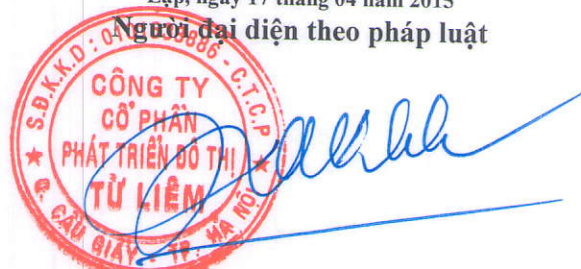
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Văn Kha

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý I năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, kinh doanh nhà
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng hạ tầng đô thị; Tổ chức kinh doanh nhà; Kinh doanh bất động sản; Tổ chức kinh doanh dịch vụ chung cư.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính Công ty mẹ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo hình thức báo sổ và sử dụng chung mã số thuế với Văn phòng Công ty. Báo cáo tài chính Công ty mẹ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị phụ thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị phụ thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.6.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao hoặc thông báo bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng các căn biệt thự, liền kề được ghi nhận khi khách hàng đã nộp đủ tiền và đã bàn giao nhà cho khách hàng hoặc khách hàng đã nộp đủ tiền mua nhà nhưng chưa đến nhận bàn giao hoặc chưa nộp đủ tiền nhưng đã nhận bàn giao nhà và có đơn xin chậm trả được công ty chấp nhận

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.240.787.668	2.304.646.277
Tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn	13.094.538.332	72.154.911.351
Tiền đang chuyển		
Cộng	<u>17.335.326.000</u>	<u>74.459.557.628</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá hợp lý</u>	<u>Giá dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá hợp lý</u>	<u>Giá dự phòng</u>
a. Chứng khoán kinh doanh						
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.380.028.330	1.380.028.330				
<i>b1. Ngắn hạn</i>	1.380.028.330	1.380.028.330				
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.380.028.330	1.380.028.330				
<i>b2. Dài hạn</i>						
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	80.067.100.980	57.761.420.000	22.305.680.980	60.067.100.980	36.787.920.000	23.279.180.980
<i>c1. Đầu tư vào công ty con</i>	11.016.000.000	11.016.000.000		11.016.000.000	11.016.000.000	
<i>Công ty CP Lideco 2</i>	5.916.000.000	5.916.000.000		5.916.000.000	5.916.000.000	
<i>Công ty CP Lideco 8</i>	5.100.000.000	5.100.000.000		5.100.000.000	5.100.000.000	
<i>c2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	43.046.120.000	43.046.120.000		23.046.120.000	23.046.120.000	
<i>Công ty CP PT nhà Tây Đô</i>	3.046.120.000	3.046.120.000		3.046.120.000	3.046.120.000	
<i>Công ty TNHH MTV ĐT&PT NN Hà Nội</i>	40.000.000.000	40.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000	
<i>c3. Đầu tư vào đơn vị khác</i>	26.004.980.980	3.699.300.000	22.305.680.980	26.004.980.980	2.725.800.000	23.279.180.980
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC</i>	26.004.980.980	3.699.300.000	22.305.680.980	26.004.980.980	2.725.800.000	23.279.180.980

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2015 của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Phải thu về hoạt động kinh doanh bất động sản	12.964.982.611	13.939.032.611
Phải thu về hoạt động thi công Xây lắp	1.126.654.103	1.432.623.103
Phải thu hoạt động khác	1.000.036.238	930.000.000
b. Phải thu của khách hàng dài hạn		
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty CP Lideco 2	94.800.000	94.800.000
Công ty CP Lideco 8	65.100.000	65.100.000
Cộng	<u>15.251.572.952</u>	<u>16.461.555.714</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	74.861.183.080	75.308.435.190
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN phải thu người lao động	41.153.082	47.515.054
Phải thu CBCNV về thuế TNCN		153.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia		153.000.000
Tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án	3.719.182.912	4.653.222.925
Thu thanh lý khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Lideco 1	9.562.500.000	9.562.500.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn		117.414.896
Các khoản phải thu khác	4.447.412.661	856.926.337
Tiền tạm ứng	57.090.934.425	59.917.855.978
b. Dài hạn		
Cộng	<u>74.861.183.080</u>	<u>75.308.435.190</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	16.264.660.745	14.218.078.468
Chi phí SXKD dở dang HĐ BĐS	1.032.172.625.450	1.026.752.519.253
+ Dự án Xuân Đình	10.731.253.192	10.731.253.192
+ Dự án Dịch Vọng	294.372.090.808	288.267.339.398
+ Dự án Bắc Quốc lộ 32	656.113.635.529	661.607.038.500
<i>Chi phí đầu tư hạ tầng</i>	<i>191.105.494.307</i>	<i>179.616.843.347</i>
<i>Chi phí xây dựng nhà LK, BT</i>	<i>465.008.141.222</i>	<i>481.990.195.153</i>
+ Các dự án khác	70.955.645.921	66.146.888.163
Chi phí SXKD dở dang HĐ xây lắp	1.780.691.135	1.556.275.212
Cộng	<u>1.050.217.977.330</u>	<u>1.042.526.872.933</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)**6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình:**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	45.823.375.318	4.550.449.208	12.190.252.181	521.986.777	63.086.063.484
Tăng trong kỳ do mua mới				35.454.545	35.454.545
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo TT 45/2013/TT- BTC					
Số cuối kỳ	45.823.375.318	4.550.449.208	12.190.252.181	557.441.322	63.121.518.029
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.734.715.652	4.000.758.891	8.522.826.694	467.832.227	19.726.133.464
Tăng trong kỳ do khấu hao	619.802.617	45.627.044	460.022.251	8.093.942	1.133.545.854
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo TT 45/2013/TT- BTC					
Số cuối kỳ	7.354.518.269	4.046.385.935	8.982.848.945	475.926.169	20.859.679.318
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.088.659.666	549.690.317	3.667.425.487	54.154.550	43.359.930.020
Số cuối kỳ	38.468.857.049	504.063.273	3.207.403.236	81.515.153	42.261.838.711

7. Bất động sản đầu tư

Là nhà Công ty sở hữu tại tòa nhà CT1 Xuân Đình.

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê				
- Nguyên giá	4.865.896.002		1.013.428.857	3.852.467.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.189.653.184)	359.731.306		(1.829.921.878)
- Giá trị còn lại	2.676.242.818	359.731.306	1.013.428.857	2.022.545.267

Giảm nguyên giá do trong kỳ : Trong quý 1/2015 Công ty đã bán căn hộ số 903 toà nhà CT1 Xuân Đình

8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dài hạn		
Chi phí bảo trì tòa nhà N09B2		59.420.279
Chi phí dụng cụ chờ phân bổ	192.841.747	143.210.100
Bản quyền phần mềm Winpro		71.355.200
Cộng	192.841.747	273.985.579

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2015 của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)**9. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Nhà cung cấp HĐ Bất động sản	15.436.218.743	19.266.476.402
Nhà cung cấp HĐ Xây lắp	18.070.000	18.070.000
Nhà cung cấp HĐ khác		1.546.218.700
Phải trả các công ty con	12.298.921.423	19.956.067.888
+ Công ty Lideco 2	1.652.182.523	3.250.905.988
+ Công ty Lideco 8	10.646.738.900	16.705.161.900
Dài hạn		
Cộng	<u><u>27.753.210.166</u></u>	<u><u>40.786.832.990</u></u>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Điều chỉnh giảm</u>	<u>Số phải nộp lũy kế trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp lũy kế trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT	3.865.822.861		882.739.489	3.781.277.407	967.284.943
Thuế TNDN	9.819.385.526		834.403.903	9.399.089.114	1.254.700.315
- Thuế TNDN theo KQKD	8.460.402.860		592.473.698	8.040.106.448	1.012.770.110
- Thuế TNDN kê khai theo tiến độ thu tiền	1.358.982.666		241.930.205	1.358.982.666	241.930.205
Thuế TN cá nhân	3.065.695.966		13.544.775	2.899.035.098	180.205.643
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	64.480.637.116				64.480.637.116
Các loại thuế, phí khác					
Tổng cộng	<u><u>81.231.541.469</u></u>		<u><u>1.730.688.167</u></u>	<u><u>16.079.401.619</u></u>	<u><u>66.882.828.017</u></u>

11. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí các công trình xây lắp	438.997.736	438.997.736
Chi phí khác		
Dài hạn		
Cộng	<u><u>438.997.736</u></u>	<u><u>438.997.736</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)**12. Phải trả khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	3.392.548.299	53.253.100
Kinh phí công đoàn, ĐPCĐ	54.196.285	37.977.100
BHXH, BHYT, BHTN, ...	1.127.578	
Phải trả XNĐN	1.119.657.569	
Phải trả các đội xây dựng		
Phải trả cổ đông tiền cổ tức năm 2012	15.276.000	15.276.000
Khách hàng nộp thừa	1.065.700.000	
Phải trả khác	1.136.590.867	
Dài hạn	64.027.823.328	69.604.001.686
Công ty Cổ phần Trung Tín (Tiền vốn góp DA Xuân Đình)	10.860.233.000	10.860.233.000
Công ty Cổ phần Hà Đô (bằng tiền và sản lượng thi công dự án khu ĐTM Dịch Vọng)	39.219.658.034	39.219.658.034
Công ty CP XD Phúc Hưng Holdings (tiền vốn góp DA X3 - Mỹ Đình)	2.178.056.000	2.178.056.000
Kinh phí phải trả các toà nhà	7.394.710.978	8.083.270.095
Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng	198.500.000	198.500.000
Phải trả các đội xây dựng	4.176.665.316	9.064.284.557
Phải trả khác		
Cộng	<u>67.420.371.627</u>	<u>69.657.254.786</u>

13. Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền trả trước về cho thuê tầng 1 toà nhà NO9B1 và NO9B2 phân bổ dần trong 50 năm

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Thuê văn phòng Toà nhà NO6B2		15.613.511
b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Tầng 1 toà nhà NO9B1	18.523.402.117	18.608.174.612
Tầng 1, 2 toà nhà NO9B2	11.958.900.582	12.024.999.217
Số dư cuối kỳ	<u>30.482.302.699</u>	<u>30.648.787.340</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vụ, phường Dịch Vụ, quận Cầu Giấy, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác (Quỹ dự phòng tài chính)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	636.000.000.000	8.994.035.440	(139.616.197.028)	22.300.000.000	45.280.000.000	276.614.273.235	849.572.111.647
Lợi nhuận sau thuế quý I năm 2015						2.139.864.939	2.139.864.939
Số dư cuối năm nay	<u>636.000.000.000</u>	<u>8.994.035.440</u>	<u>(139.616.197.028)</u>	<u>22.300.000.000</u>	<u>45.280.000.000</u>	<u>278.754.138.174</u>	<u>851.711.976.586</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	636.000.000.000	636.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	8.994.035.440	8.994.035.440
Cổ phiếu quỹ	(139.616.197.028)	(139.616.197.028)
Cộng	<u>505.377.838.412</u>	<u>505.377.838.412</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.600.000	63.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.600.000	63.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.610.050	2.610.050
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.989.950	60.989.950
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình KD
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I NĂM 2015 CÔNG TY MẸ**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp		
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	17.311.569.091	30.161.742.458
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.497.828.805	846.414.208
Doanh thu với các bên liên quan		
+ Công ty Lideco 2		
+ Công ty Lideco 8		
Cộng	<u><u>18.809.397.896</u></u>	<u><u>31.008.156.666</u></u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây lắp		
Giá vốn của hoạt động kinh doanh Bất động sản	13.124.730.059	23.867.084.985
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.020.982.719	707.166.955
Cộng	<u><u>14.145.712.778</u></u>	<u><u>24.574.251.940</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay	148.599.998	959.083.485
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Đầu tư chứng khoán		
Cộng	<u>148.599.998</u>	<u>959.083.485</u>
4. Chi phí tài chính	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Chi phí lãi vay		
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(973.500.000)	(7.108.555.000)
Chi phí tài chính khác		
Cộng	<u>(973.500.000)</u>	<u>(7.108.555.000)</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Chi phí tiền lương,.... cho CBCNV	1.360.686.107	1.144.566.819
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	100.102.300	
Chi phí khấu hao TSCĐ	818.464.486	728.134.222
Thuế, phí, lệ phí	77.419.718	58.540.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	689.453.052	771.216.411
Chi phí khác	410.658.970	288.625.256
Cộng	<u>3.456.784.633</u>	<u>2.991.083.619</u>
6. Thu nhập khác	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	403.338.154	200.489.956
Thu nhập khác		
Cộng	<u>403.338.154</u>	<u>200.489.956</u>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	592.473.698	2.561.478.740
Cộng	<u>592.473.698</u>	<u>2.561.478.740</u>
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.139.864.939	9.149.470.808
Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I/2015 so với quý I/2014 giảm : Tương ứng với tỷ lệ giảm là 76.61 %		7.009.605.869

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

Nguyên nhân:

Nguyên nhân giảm là do trong quý 1/2015 là quý trùng với Tết nguyên đán nên việc thu tiền đợt cuối và bàn giao nhà cho khách hàng tại dự án Bắc QL 32 được ít dẫn đến doanh thu kinh doanh bất động sản thấp.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Luỹ kế</u>
Tiền lương	388.450.591	388.450.591
Phụ cấp		
Cộng	<u>388.450.591</u>	<u>388.450.591</u>

1.2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan đến thời điểm 31/03/2015 với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Lideco 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Lideco 8	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong quý 1/2015 giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý này</u>
Công ty Cổ phần Lideco 2	
Giá vốn KLXL hoàn thành	
Doanh thu xây dựng công trình	
Doanh thu cho thuê văn phòng	
Doanh thu bán thép	
Doanh thu bán vật tư khác	
Công ty Cổ phần Lideco 8	5.770.998.182
Giá vốn KLXL hoàn thành	5.770.998.182
Doanh thu bán thép	
Doanh thu bán vật tư khác	
Doanh thu cho thuê văn phòng	
Doanh thu từ cổ tức	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải thu		
Công ty Cổ phần Lideco 2	94.800.000	277.208.160
Phải thu tiền thuê Văn phòng	94.800.000	94.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công nợ phải thu		
Phải thu tiền vật tư		
Phải thu ứng trước thực hiện Công trình		182.408.160
Phải thu tiền cổ tức		
Công ty Cổ phần Lideco 8	9.409.282.924	3.339.815.124
Tiền ứng trước thực hiện công trình	9.344.182.924	3.121.715.124
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	65.100.000	65.100.000
Phải thu tiền cổ tức		153.000.000
Phải thu tiền vật tư		
Cộng nợ phải thu	9.504.082.924	3.617.023.284
Công nợ phải trả		
Công ty Cổ phần Lideco 2	1.652.182.523	3.250.905.988
Phải trả tiền khối lượng xây lắp	1.652.182.523	3.250.905.988
Công ty Cổ phần Lideco 8	10.646.738.900	17.705.161.900
Phải trả tiền khối lượng xây lắp	10.646.738.900	16.705.161.900
Tiền ứng trước mua căn hộ		1.000.000.000
Cộng nợ phải trả	12.298.921.423	20.956.067.888

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động kinh doanh bất động sản
- Lĩnh vực 02: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 03: Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

Quý này	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.311.569.091		1.497.828.805		18.809.397.896
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					0
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.311.569.091		0 1.497.828.805	0	18.809.397.896
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.186.839.032		476.846.086		4.663.685.118
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(3.456.784.633)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					1.206.900.485
Doanh thu hoạt động tài chính					148.599.998
Chi phí tài chính					973.500.000
Thu nhập khác					403.338.154
Chi phí khác					0
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(592.473.698)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					0
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					2.139.864.939

Khu vực địa lý

Toà bộ hoạt động của công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ				
Phải trả người bán	27.753.210.166			27.753.210.166
Các khoản phải trả khác	3.392.548.299	64.027.823.328		67.420.371.627
Cộng	31.145.758.465	64.027.823.328		95.173.581.793

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

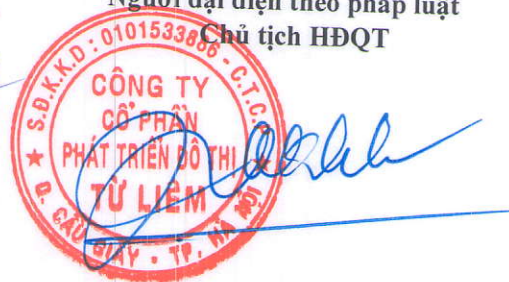
Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch HĐQT



Đỗ Huy Khải

Lê Minh Tuấn

Nguyễn Văn Kha